

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST

Ngày: 21 - 11 -2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng.

Ông Nguyễn Văn Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần T (tên viết tắt là TPBank); địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TPBank, số 57 L, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Số 14 T, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ - Chuyên viên chính Phòng xử lý nợ miền Bắc (theo Giấy ủy quyền số 100/2017/GUQ-TPB.BĐH, ngày 09/5/2017); có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Q và vợ chị Bùi Thị L; Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt Q, chị L vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn D; Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.
Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đ và bà Phạm Thị K; Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Anh Vũ H; Địa chỉ: Số 210 khu dân cư T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần T do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2011 anh Nguyễn Q và vợ là chị Bùi Thị L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần T (tên viết tắt là TPBank) – Chi nhánh Hải Phòng hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số TPB.HP/NDQ ngày 14/9/2011 để vay số tiền là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh quần áo. Theo nội dung hợp đồng tín dụng nêu trên ngày 17/9/2011 TPBank giải ngân cho ông Quân, bà Lan vay số tiền 3.000.000.000 đồng; lãi suất 23%/năm; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/9/2011 theo đề nghị giải ngân kèm Giấy nhận nợ số 01-140911/HĐTD-TPB.HP/NDQ ngày 17/9/2011.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên anh Nguyễn Q, chị Bùi Thị L đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần T – Chi nhánh Hải Phòng hợp đồng thế chấp (bất động sản 2 bên) số 140911/HĐTC-TPB./NDQ ngày 14/9/2011 tại Văn phòng công chứng Hải Phòng, số công chứng 3802 quyển số 02/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 14/9/2011, việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể tài sản bảo đảm cho món vay là quyền sử dụng 98m² đất ở lâu dài tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 01 và quyền sở hữu nhà ở 04 tầng tổng diện tích sử dụng là 379,44m², địa chỉ thửa đất tại số 144 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN493759, số vào sổ cấp GCN H/01253 do UBND huyện T, Hải Phòng cấp ngày 27/10/2008 và Giấy phép xây dựng số 205/GPXD do ủy ban nhân dân huyện T, Hải Phòng cấp tháng 8/2011.

Sau khi thủ tục vay vốn đã đầy đủ anh Nguyễn Q và vợ là chị Bùi Thị L đã nhận đủ số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) theo đề nghị giải ngân kèm Giấy nhận nợ ngày 17/9/2011 đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần T – Chi nhánh Hải Phòng. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn Q và vợ là chị Bùi Thị L đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 931.690 đồng; số tiền lãi là 641.674.126 đồng, kể từ khi khoản nợ đến hạn thanh toán đến nay, Q, chị L chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nợ và đã có Thông báo thu hồi nợ quá hạn đối với ông Quân, bà Lan nhưng đến nay Q, chị L vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 20/11/2018 anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L còn nợ TPBank tổng số tiền 7.789.455.129 đồng; trong đó nợ gốc là 2.999.068.310 đồng; lãi trong hạn là 642.208.333 đồng; nợ lãi quá hạn là 4.790.386.819 đồng. Nay Ngân hàng

đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh theo mức tính lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/11/2018 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp Q và chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng 98m² đất ở lâu dài tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 01 và quyền sở hữu nhà ở 04 tầng tổng diện tích sử dụng là 379,44m², địa chỉ thửa đất tại số 144 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN493759, số vào sổ cấp GCN H/01253 do UBND huyện T, Hải Phòng cấp ngày 27/10/2008 và Giấy phép xây dựng số 205/GPXD do ủy ban nhân dân huyện T, Hải Phòng cấp tháng 8/2011, đứng tên chủ sử dụng anh Nguyễn Q.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2017, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Q và bà Bùi Thị L thống nhất trình bày:

Năm 2011 vợ chồng anh có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần T – Chi nhánh Hải Phòng để vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh, chị đã được Ngân hàng giải ngân và nhận đủ số tiền 3.000.000.000 đồng thông qua Giấy đề nghị giải ngân kèm Giấy nhận nợ ngày 17/9/2011. Để đảm bảo cho các khoản vay trên vợ chồng anh, chị đã thế chấp tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng 98m² đất ở lâu dài tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 01 và quyền sở hữu nhà ở 04 tầng tổng diện tích sử dụng là 379,44m², địa chỉ thửa đất tại số 144 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN493759, số vào sổ cấp GCN H/01253 do UBND huyện T, Hải Phòng cấp ngày 27/10/2008, chủ sử dụng là Nguyễn Q và Giấy phép xây dựng số 205/GPXD do ủy ban nhân dân huyện T, Hải Phòng cấp tháng 8/2011. Nguồn gốc số tài sản trên là của bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Đ và bà Phạm Thị K mua của ông Đinh Chính Quyền từ năm 2007 để cho em trai là Nguyễn D, do vợ chồng anh cần vốn làm ăn nên đã làm thủ tục sang tên đứng tên chủ sử dụng là Nguyễn Q, bố mẹ anh, cùng em trai Nguyễn D đều biết nhưng không có ý kiến gì.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh, chị đã trả được cho Ngân hàng được số tiền gốc là 931.690 đồng và tiền lãi là khoảng 600.000.000 đồng, do điều kiện làm ăn khó khăn nên khi hết hạn hợp đồng vợ chồng anh, chị không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, phía Ngân hàng đã nhiều lần gặp trực tiếp vợ chồng anh để đôn đốc nợ nhưng vì làm ăn quá khó khăn, vợ chồng anh không thực hiện được ngay nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi

kiện yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 7.789.455.129 đồng; trong đó số tiền nợ gốc là 2.999.068.310 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 642.208.333 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 4.790.386.819 đồng. Tại phiên tòa quan điểm của vợ chồng Q đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng anh chị trả số tiền gốc 2.000.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng, số tiền gốc còn lại là 999.068.310 đồng vợ chồng anh sẽ trả dần số nợ gốc trong thời hạn là 5 năm và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số nợ lãi quá hạn cho vợ chồng anh, chị, vì vợ chồng anh đang gặp khó khăn trong việc làm ăn kinh doanh. Q không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì đó là tài sản của bố mẹ mua cho em trai Nguyễn D.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2017, Biên bản ghi lời khai ngày 20/7/2017, các lời khai tại Tòa án anh Nguyễn D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Q là anh trai anh, năm 2011 vợ chồng Q, chị L có vay vốn Ngân hàng mục đích để kinh doanh quần áo, vợ chồng Q, chị L vay vốn Ngân hàng nào và số tiền vay là bao nhiêu thì anh không nắm rõ. Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thì vợ chồng Q, chị L đã thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số nhà 44, đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là anh Nguyễn Q. Nguồn gốc diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất là của bố mẹ anh ông Nguyễn Đ, bà Phạm Thị K cho anh không có giấy tờ gì, vì vợ chồng Q, chị L cần vốn làm ăn nên Q đã tự ý làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại đứng tên anh trai là Nguyễn Q, việc Q làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Q, anh có biết và anh cũng không có ý kiến gì, hiện nay anh đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản. Đến tháng 6/2017 anh có ký hợp đồng cho thuê nhà với anh Vũ H, theo hợp đồng anh đồng ý cho anh Vũ H thuê tầng 01 của căn nhà với diện tích 50m² để anh Hoàng kinh doanh buôn bán, với thời hạn thuê là 03 năm. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu vợ chồng Q, chị L phải thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ, quan điểm của anh là anh không có ý kiến gì về việc Q, chị L ký hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng để vay số tiền 3.000.000 đồng, nay do Q, chị L gặp khó khăn trong làm ăn nên đề nghị Ngân hàng xem xét để vợ chồng Q, chị L trả nợ dần cho Ngân hàng trong thời hạn 05 năm, trường hợp vợ chồng Q, chị L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết, anh Duy không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Tại Biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Đ và bà Phạm Thị K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Q là con trai tôi, năm 2011 vợ chồng Q, chị L có vay vốn Ngân hàng mục đích để kinh doanh quần áo, vợ chồng Q, chị L vay vốn Ngân

hàng nào và số tiền vay là bao nhiêu thì vợ chồng ông không nắm rõ. Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thì vợ chồng Q, chị L đã thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số nhà 44, đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là anh Nguyễn Q. Nguồn gốc diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Phạm Thị K mua của ông Đinh Chính Quyền để cho anh Nguyễn D nhưng không có giấy tờ gì, vì vợ chồng Q, chị L cần vốn làm ăn nên Q đã tự ý làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại đứng tên anh trai là Nguyễn Q, việc Q làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Q, vợ chồng ông, bà biết cũng không có ý kiến gì, hiện nay anh Duy đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản. Đến tháng 6/2017 anh Duy có ký hợp đồng cho thuê nhà với anh Vũ H, theo hợp đồng anh Duy đồng ý cho anh Vũ H thuê tầng 01 của căn nhà với diện tích 50m² để anh Hoàng kinh doanh buôn bán, với thời hạn thuê là 03 năm. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu vợ chồng Q, chị L phải thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ, quan điểm của vợ chồng ông không có ý kiến gì về việc Q, chị L ký hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng để vay số tiền 3.000.000 đồng, nay do Q, chị L gặp khó khăn trong làm ăn nên đề nghị Ngân hàng xem xét để vợ chồng Q, chị L trả nợ dần cho Ngân hàng trong thời hạn 05 năm, trường hợp vợ chồng Q, chị L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết, vợ chồng ông không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Tại Biên bản ghi lời khai anh Vũ H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 10/6/2017 anh có ký hợp đồng thuê nhà với anh Nguyễn D, sinh năm 1986, địa chỉ nhà thuê là số 144 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nội dung hợp là thuê toàn bộ tầng 01 của ngôi nhà với mục đích kinh doanh đồ sơ sinh trẻ em với thời hạn thuê là 03 năm tính từ ngày 10/6/2017 đến ngày 10/6/2020 với giá thuê nhà là 7.000.000 đồng/tháng, diện tích cho thuê tầng 01 là 50m². Nay Ngân hàng thương mại cổ phần T có đơn khởi kiện anh Nguyễn Q, chị Bùi Thị L yêu cầu Q, chị L phải trả số tiền còn nợ Ngân hàng. Quan điểm của anh Duy là anh không liên quan gì đến việc vay nợ giữa vợ chồng anh Nguyễn Q và Ngân hàng vì anh ký hợp đồng thuê nhà với anh Nguyễn D. Trường hợp Ngân hàng TMCP T yêu cầu phát mại tài sản thế chấp thì anh sẽ chấp dứt Hợp đồng thuê nhà với anh Duy và trả lại tài sản thuê anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ

lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chị Bùi Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đ và bà Phạm Thị K, anh Nguyễn Văn Duy, anh Vũ H chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 30, 35, 39, 147, Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm c Khoản 1 Điều 688; Điều 116, 117, 119, 138, 280, 298, 299, 317, 318, 320; 321 và Điều 323; Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; nếu anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp; giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn chị Bùi Thị L, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ và bà Phạm Thị K, anh Nguyễn D và anh Vũ H vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 và khoản 2, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng đã ký giữa các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 20/11/2018 bao gồm: trong đó số tiền nợ gốc là 2.999.068.310 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 642.208.333 đồng; lãi quá hạn là 4.790.386.819 đồng. Bị đơn là anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L thừa nhận có ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số TPB.HP/NDQ ngày 14/9/2011 để vay số tiền là 3.000.000.000 đồng, đến ngày 17/9/2011 căn cứ theo đề nghị giải ngân kèm Giấy nhận nợ số 01-

140911/HĐTD-TPB.HP/NDQ ngày 17/9/2011. Tại phiên tòa hôm nay Q thống nhất với lời trình bày của đại diện Ngân hàng hiện nay vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Tại phiên tòa quan điểm của Q đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng anh chi trả số tiền gốc 2.000.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng, số tiền gốc còn lại là 999.068.310 đồng vợ chồng anh sẽ trả dần số nợ gốc trong thời hạn là 5 năm và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số nợ lãi quá hạn cho vợ chồng anh, chị. Vì vợ chồng anh đang gặp khó khăn trong việc làm ăn kinh doanh, song đại diện Ngân hàng TPBank không đồng ý với quan điểm của Q và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 14/9/2011 và đề nghị giải ngân kèm Giấy nhận nợ ngày 17/9/2011 cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, chứng minh việc anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền là 3.000.000.000 đồng với mục đích kinh doanh quần áo, thời hạn vay 12 tháng. Xét thấy các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kèm Giấy nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng thương mại cổ phần T – Chi nhánh Hải Phòng đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, Q và chị L đã nhận đủ số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, việc Q chị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Q và chị L phải thanh toán số tiền nợ là trong đó số tiền nợ gốc là 2.999.068.310 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 642.208.333 đồng; lãi quá hạn là 4.790.386.819 đồng, tổng gốc và lãi bằng 7.789.455.129 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức tính lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

[4]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng trong trường hợp anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Xét hợp đồng thế chấp (bất động sản 2 bên) số 140911/HĐTC-TPB./NDQ ngày 14/9/2011 tại Văn phòng công chứng Hải Phòng, số công chứng 3802 quyền số 02/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 14/9/2011, tài sản bảo đảm cho món vay là quyền sử dụng 98m² đất ở lâu dài tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 01 và quyền sở hữu nhà ở 04 tầng tổng diện tích sử dụng là 379,44m², địa chỉ thửa đất tại số 144 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN493759, số vào sổ cấp GCN H/01253 do UBND huyện T, Hải Phòng cấp ngày 27/10/2008 và Giấy phép xây dựng số 205/GPXD do ủy ban nhân dân huyện T, Hải Phòng cấp tháng 8/2011 chủ sử dụng là anh Nguyễn Q. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng diện tích đất là của ông Nguyễn Đ và bà Phạm Thị K mua của ông Đinh Chính Quyền cho anh Nguyễn D và toàn bộ tài sản trên đất là của anh Nguyễn D nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Hội đồng xét xử, xét: Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản là anh Nguyễn Q với đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần T – Chi nhánh Hải Phòng, việc ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 04/8/2017 toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Năm 2007 anh Nguyễn Q đứng tên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích đất tại số 100, tờ bản đồ số 01 địa chỉ thửa đất tại số 144 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng. Và đến ngày 27/10/2008 anh Nguyễn Q được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, toàn bộ hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Q đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, trường hợp anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 119, 138, 280, 298, 299, 317, 318, 320; 321 và Điều 323; Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[5]. Về áp dụng pháp luật: Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật và Luật các tổ chức tín dụng. Giao dịch dân sự này đã thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

[6]. Về nghĩa vụ chịu án phí, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L có nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền 57.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001040, ngày 08/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Điều b Khoản 1 Điều 688; Điều 116, 117, 119, 138, 280, 298, 299, 317, 318, 320; 321 và Điều 323; Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T buộc anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tính đến ngày 20/11/2018 tổng số tiền là 7.789.455.129 đồng; trong đó số tiền nợ gốc là 2.999.068.310 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 642.208.333 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 4.790.386.819 đồng.

Anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L phải tiếp tục chịu lãi suất tính trên số nợ gốc kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Quyền sử dụng 98m² đất ở lâu dài tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 01 và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất, địa chỉ thửa đất tại số 144 đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN493759, số vào sổ cấp GCN H/01253 do UBND huyện T, Hải Phòng cấp ngày 27/10/2008 chủ sử dụng là anh Nguyễn Q.

Về án phí: Anh Nguyễn Q và chị Bùi Thị L có nghĩa vụ nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.789.455 đồng. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 57.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu tiền số 0001040 ngày 08/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

Lê Thị Sự

